

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T30/NUTRICARE/2023

LEANPRO GLULEVEL

Năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T30/NUTRICARE/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày cấp/ Nơi cấp:.....

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Leanpro GluLevel

2. Thành phần:

Bột sữa, Đạm (Đạm sữa, Đạm whey, Đạm Đậu nành), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Isomaltulose (20%), Erythritol (12%)), Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất béo mạch trung bình (MCT), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Fructose, Sữa non, Cholin, Lactase (0.02%), Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:



Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 40 g, 45 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

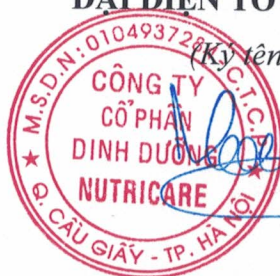
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 30/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Bột sữa, Đạm (Đạm sữa, Đạm whey, Đạm Đậu nành), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Isomaltulose (20%), Erythritol (12%)), Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất béo mạch trung bình (MCT), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxid phosphat, Magie oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Fructose, Sữa non, Cholin, Lactase (0.02%), Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.
Milk powder, Protein (Milk protein, Whey protein, Soy protein), Vegetable fat, Sugar substitutes (Isomaltulose (20%), Erythritol (12%)), Prebiotics (FOS/Inulin), Medium-chain triglycerides (MCTs), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Fructose, Colostrum, Choline, Lactase (0.02%), Taurine, Vitamin K2 (MK7), Vanilla flavor.
Product contains Milk protein, Soy protein.

BỐI TRƯỜNG SỬ DỤNG/USED FOR

- Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi/Adults and children over 6 years old.
- Người có bệnh lý tiểu đường Type 1, Type 2, tiểu đường thai kỳ/People with diabetes Type 1, Type 2 and gestational diabetes.
- Người có nguy cơ tiểu đường; người tiền tiểu đường, rối loạn dung nạp Glucose/People at risk of diabetes; people with pre-diabetes; impaired glucose tolerance.
- Người cần ăn kiêng, người có nguy cơ béo phì/People who need to diet, people at risk of obesity.
- Phù hợp cho người bất dung nạp đường Lactose/Suitable for people who are lactose intolerant.

Lưu ý/Note: Không dùng cho người bệnh Galactosemia/Not suitable for Galactosemia patients.

BẢO QUẢN/STORAGE

- Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần/Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

- Cho từ từ 4.5 muỗng gạt Leanpro GluLevel (tương đương 45 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C), khuấy đều sẽ được khoảng 210 ml Leanpro GluLevel/To prepare 210 ml serving: Pour 180 ml warm water (45 - 50°C) then add 4.5 scoops of Leanpro GluLevel (approximately 45 g). Stir well until the powder is completely dissolved.
- Uống 1 - 2 ly mỗi ngày/Use 1 - 2 servings per day.
- Có thể dùng nuôi ăn qua ống theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia y tế/Can be used for tube feeding under the instruction of physicians/healthcare professionals.
- Hồn hợp sau khi pha sử dụng trong vòng 3 giờ/Finish using Leanpro GluLevel about 3 hours after preparation.

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Giá trị Value	Tổng 1 ly 210 ml serving
Hàm lượng/Energy	kcal	169	169
Bột Protein	g	100	100
Lysin/Lysine	mg	591	591
Leucin/Leucine	mg	575	575
Isoleucin/Isoleucine	mg	105	105
Valin/Valine	mg	1071	1071
Arginin/Arginine	mg	471	471
Histidin/Histidine	mg	819	819
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	592	592
Tyrosin/Tyrosine	mg	267	267
Threonin/Threonine	mg	342	342
Methionin/Methionine	mg	312	312
Tryptophan/Tryptophan	mg	239	239
Cystin/Cystine	mg	224	224
Asit glutamic/Glutamic acid	mg	3639	3639
Asit aspartic/Aspartic acid	mg	1794	1794
Glycin/Glycine	mg	575	575
Alamin/Alanine	mg	696	696
Prolin/Proline	mg	1285	1285
Serin/Serine	mg	970	970
Chất béo/Fat	g	12.5	12.5
MUFA	mg	3300	3300
PUFA	mg	1413	1413
MCTs (Medium-chain triglycerides)	g	3.50	3.50
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	39.7	39.7
Prebiotics (FOS/Inulin)	g	7.60	7.60
Polysac	g	12.1	12.1
Sữa non/Colostrum	mg	160	160
IgG	mg	32.0	32.0
Taurin/Taurine	mg	9.50	9.50
Cholin/Choline	mg	99.0	99.0
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1206	543
Vitamin D3	IU	354	159
Vitamin E	IU	13.6	6.13
Vitamin K1	µg	19.9	8.95
Vitamin K2	µg	48.0	21.6
Vitamin C	mg	73.9	33.3
Vitamin B1	µg	845	380
Vitamin B2	µg	547	246
Niacin	µg	7794	3507
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	3188	1454
Vitamin B6	µg	1186	534
Asit folic/Folic acid	µg	93.0	41.9
Vitamin B12	µg	5.04	2.27
Cuclin	µg	25.7	11.6
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	332	149
Kali/Potassium	mg	593	267
Canxi/Calcium	mg	684	308
Canxi/Calcium	mg	562	253
Phốt pho/Phosphorus	mg	435	196
Magie/Magnesium	mg	116	52.4
Sắt/Iron	mg	4.24	1.91
Kẽm/Zinc	mg	9.75	4.39
Mangan/Manganese	µg	1176	529
Đồng/Copper	µg	356	160
Đồng/Copper	µg	52.2	23.5
Selen/Selenium	µg	23.9	10.8
Crom/Chromium	µg	84.2	37.9
Molybden/Molybdenum	µg	28.7	12.9

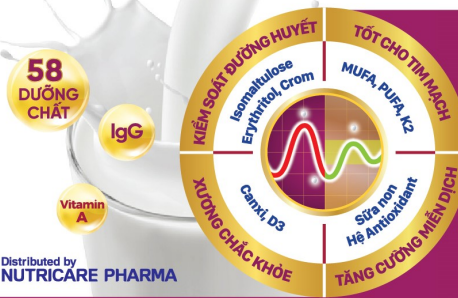


Lean pro



GluLevel

DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI ĐÁI THÁO ĐƯỜNG



Distributed by
NUTRICARE PHARMA



ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT
Thực phẩm bổ sung
Khối lượng tịnh/Net wt.: **400 g**

Leanpro GluLevel - sản phẩm dinh dưỡng hoàn chỉnh, với hệ đường tiên tiến cùng Crom và FOS/Inulin giúp ổn định đường huyết, giảm nguy cơ tiến triển và phòng ngừa các biến chứng tiểu đường.

KIỂM SOÁT ĐƯỜNG HUYẾT

Hệ đường tiên tiến (Isomaltulose, Erythritol) kết hợp FOS/Inulin và Crom - đã được EFSA chứng nhận, cho chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết.

TỐT CHO TIM MẠCH

Bổ sung chất béo MUFA, PUFA giúp giảm cholesterol xấu, ổn định huyết áp. Vitamin K2 phòng ngừa vôi hoá động mạch và các biến cố tim mạch.

CHO XƯƠNG CHẮC KHỎE, TĂNG CƯỜNG THỊ LỰC

Canxi, vitamin D3 và vitamin K2 giúp xương chắc khỏe, giảm nguy cơ loãng xương. Vitamin A và Đồng hỗ trợ tăng cường thị lực.

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Sữa non Colostrum giàu kháng thể IgG cùng hệ Antioxidants (vitamin A, C, E, Selen) và Kẽm hỗ trợ nâng cao đề kháng, giảm căng thẳng, mệt mỏi.

KIỂM SOÁT CÂN NẶNG, HỖ TRỢ TIÊU HOÁ

Công thức giàu đạm, giảm đường* hỗ trợ kiểm soát cân nặng. 100% chất xơ hòa tan FOS/Inulin giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột, hỗ trợ tiêu hoá. Đặc biệt bổ sung enzyme Lactase không gây rối loạn tiêu hoá ở người bất dung nạp Lactose.

LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
*So với sản phẩm Leanmax Adult.
Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.60.11
(Miễn phí cuộc gọi đến)
www.nutricare.com.vn

S6 CBSP: T30/NUTRICARE/2023
NSX và HSD: Xem trên bao bì.



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Bột sữa, Đạm (Đạm sữa, Đạm whey, Đạm Đậu nành), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Isomaltulose (20%), Erythritol (12%)), Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất béo mạch trung bình (MCT), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxin phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodiđ, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Fructose, Sữa non, Cholin, Lactase (0.02%), Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.
Milk powder, Protein (Milk protein, Whey protein, Soy protein), Vegetable fat, Sugar substitutes (Isomaltulose (20%), Erythritol (12%)), Prebiotics (FOS/Inulin), Medium-chain triglycerides (MCTs), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Fructose, Colostrum, Choline, Lactase (0.02%), taurine, Vitamin K2 (MK7), Vanilla flavor.

Product contains: Milk protein, Soy protein.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR

- Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi/Adults and children over 6 years old.
- Người có bệnh lý tiểu đường Type 1, Type 2, tiểu đường thai kỳ/People with diabetes Type 1, Type 2 and gestational diabetes.
- Người có nguy cơ tiểu đường; người tiền tiểu đường, rối loạn dung nạp Glucose/People at risk of diabetes; people with pre-diabetes; impaired glucose tolerance.
- Người cần ăn kiêng, người có nguy cơ béo phì/People who need to diet, people at risk of obesity.
- Phù hợp cho người bất dung nạp đường Lactose/Suitable for people who are lactose intolerant.

Lưu ý/Note: Không dùng cho người bệnh Galactosemia/Not suitable for Galactosemia patients.

BẢO QUẢN/STORAGE

• Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lưu ý: Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
• After each use, close the lid tightly. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

- Cho từ từ 4.5 muỗng gạt Leanpro GluLevel (tương đương 45 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C), khuấy đều sẽ được khoảng 210 ml Leanpro GluLevel/To prepare 210 ml serving: Four 180 ml warm water (45 - 50°C) then add 4.5 scoops of Leanpro GluLevel (approximately 45 g). Stir well until the powder is completely dissolved.
- Uống 1 - 2 ly mỗi ngày/Use 1 - 2 servings per day.
- Có thể dùng nuôi ăn qua ống theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia y tế/Can be used for tube feeding under the instruction of physicians/healthcare professionals.
- Hồn hợp sau khi pha sử dụng trong vòng 3 giờ/Finish using Leanpro GluLevel about 3 hours after preparation.

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITION INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trên mỗi gói 45g (1.6 oz)	Trên mỗi 100 ml (3.3 fl. oz)
Năng lượng/Energy	kcal	5	100
Đạm/Protein	g	10	900
Lysin/Lysine	mg	10	900
Leucine/Leucine	mg	10	900
Isoleucine/Isoleucine	mg	9	410
Valine/Valine	mg	100	900
Arginine/Arginine	mg	100	900
Histidine/Histidine	mg	47	160
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	819	900
Tyrosine/Tyrosine	mg	592	260
Threonine/Threonine	mg	742	334
Methionine/Methionine	mg	312	140
Tryptophan/Tryptophan	mg	229	100
Cystine/Cystine	mg	224	101
Aspartic acid/Glutamic acid	mg	3639	1638
Aspartic acid/Aspartic acid	mg	1794	807
Glycine/Glycine	mg	575	259
Alanine/Alanine	mg	696	313
Proline/Proline	mg	1285	578
Serine/Serine	mg	870	486
Chất béo/Lipid	g	12.5	5.63
MUFA	mg	3100	1395
PUFA	mg	1413	636
MCTs (Medium-chain triglycerides)	g	3.50	1.58
Carbohydrate/Carbohydrate	g	36.7	17.9
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	7.60	3.42
Polysols	g	12.1	5.42
Sữa non/Colostrum	mg	160	72.0
IgG	mg	32.0	14.4
Taurine/Taurine	mg	9.90	4.46
Choline/Choline	mg	96.0	44.6
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1206	543
Vitamin D3	IU	354	159
Vitamin E	IU	13.6	6.13
Vitamin K1	µg	18.9	8.95
Vitamin K2	µg	48.0	21.6
Vitamin C	mg	73.9	33.3
Vitamin B1	µg	845	380
Vitamin B2	µg	547	246
Niacin	µg	7794	3507
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	3188	1434
Vitamin B6	µg	1186	534
Asit folic/Folic acid	µg	93.0	41.9
Vitamin B12	µg	5.04	2.27
Biotin	µg	25.7	11.6
Khối chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	332	149
Kali/Potassium	mg	593	267
Clor/Chloride	mg	684	308
Canxi/Calcium	mg	562	253
Phốt pho/Phosphorus	mg	435	196
Magiê/Magnesium	mg	116	52.4
Sắt/Iron	mg	4.24	1.91
Kẽm/Zinc	mg	9.75	439
Mangan/Manganese	µg	1176	529
Bron/Copper	µg	356	160
I-đi/Iodine	µg	52.2	23.5
Selen/Selenium	µg	23.9	10.8
Crôm/Chromium	µg	84.2	37.9
Molybden/Molybdenum	µg	28.7	12.9

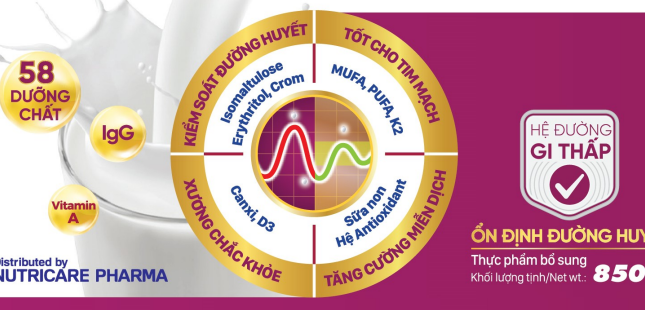


Lean pro



GluLevel

DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI ĐÁI THÁO ĐƯỜNG



Leanpro GluLevel - sản phẩm dinh dưỡng hoàn chỉnh, với hệ đường tiên tiến cùng Crom và FOS/Inulin giúp ổn định đường huyết, giảm nguy cơ tiến triển và phòng ngừa các biến chứng tiểu đường.

KIỂM SOÁT ĐƯỜNG HUYẾT

Hệ đường tiên tiến (Isomaltulose, Erythritol) kết hợp FOS/Inulin và Crom - đã được EFSA chứng nhận, cho chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết.

TỐT CHO TIM MẠCH

Bổ sung chất béo MUFA, PUFA giúp giảm cholesterol xấu, ổn định huyết áp. Vitamin K2 phòng ngừa vôi hóa động mạch và các biến cố tim mạch.

CHO XƯƠNG CHẮC KHỎE, TĂNG CƯỜNG THỊ LỰC

Canxi, vitamin D3 và vitamin K2 giúp xương chắc khỏe, giảm nguy cơ loãng xương. Vitamin A và Đồng hồ trợ tăng cường thị lực.

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Sữa non Colostrum giàu kháng thể IgG cùng hệ Antioxidants (vitamin A, C, E, Selen) và Kẽm hỗ trợ nâng cao đề kháng, giảm căng thẳng, mệt mỏi.

Hệ đường GI thấp

Ổn định đường huyết

KIỂM SOÁT CÂN NẶNG, HỖ TRỢ TIỂU HOÁ

Công thức giàu đạm, giảm đường* hỗ trợ kiểm soát cân nặng. 100% chất xơ hòa tan FOS/Inulin giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột, hỗ trợ tiêu hoá. Đặc biệt bổ sung enzyme Lactase không gây rối loạn tiêu hoá ở người bất dung nạp Lactose.

LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt và chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
* So với sản phẩm Leanmax Adult.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

Phân phối và tiếp thị bởi **NUTRICARE PHARMA**
Địa chỉ: Số 26, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,
Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,
Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.60.11
(Miễn phí cuộc gọi đến)
www.nutricare.com.vn

Số CSP: T30/NUTRICARE/2023
NSX và HSD: Xem trên bao bì.







**Lean
pro**

GluLevel

DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

**58
DƯỠNG
CHẤT**

IgG

Vitamin A

KHỐI LƯỢNG TÍNH: **45 g**

Distributed by
NUTRICARE PHARMA

Thực phẩm bổ sung



ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT



KIỂM SOÁT ĐƯỜNG HUYẾT

Hệ đường bột tiên (Isomaltulose, Erythritol) kết hợp FOS/Inulin và Crom – đã được EFSA chứng nhận, cho chỉ số đường huyết thấp giúp ổn định đường huyết.

TỐT CHO TIM MẠCH

Bổ sung chất béo MUFA, PUFA giúp giảm cholesterol xấu, ổn định huyết áp. Vitamin K2 phòng ngừa vôi hoá động mạch và củng cố tim mạch.

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Sữa non Colostrum giàu kháng thể IgG cùng hệ Antioxidants (vitamin A, C, E, Selen) và Kẽm hỗ trợ nâng cao đề kháng, giảm căng thẳng, mệt mỏi.

CHO XƯƠNG CHẮC KHOẺ, TĂNG CƯỜNG THỊ LỰC

Canxi, vitamin D3 và vitamin K2 giúp xương chắc khỏe, giảm nguy cơ loãng xương. Vitamin A và Đồng hỗ trợ tăng cường thị lực.

KIỂM SOÁT CÂN NẶNG, HỖ TRỢ TIÊU HOÁ

Công thức giàu đạm, giảm đường* hỗ trợ kiểm soát cân nặng. 100% chất xơ hòa tan FOS/Inulin giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột, hỗ trợ tiêu hoá.

LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. *So với sản phẩm Leamox Adult.

THÀNH PHẦN

Bột sữa, Đạm (Đạm sữa, Đạm whey, Đạm Đậu nành), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Isomaltulose (20%), Erythritol (12%)), Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất béo mạch trung bình (MCT), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat, Fructose, Sữa non, Cholin, Lactase (0.02%), Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

- Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi.
- Người có bệnh lý tiểu đường Type 1, Type 2, tiểu đường thai kỳ.
- Người có nguy cơ tiểu đường; người tiền tiểu đường, rối loạn dung nạp Glucose.
- Người cần ăn kiêng, người có nguy cơ béo phì.
- Phù hợp cho người bắt đầu nạp đường Lactose.

Lưu ý/Note: Không dùng cho người bệnh Galactosemia.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Cho từ từ 1 gói **Leanpro GluLevel** (45 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C), khuấy đều sẽ được khoảng 210 ml **Leanpro GluLevel**.
- Uống 1 - 2 gói mỗi ngày.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng trong vòng 3 giờ.
- Có thể dùng nước ăn qua xông theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia y tế.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Túi khi đã mở phải được sử dụng hết.
Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.
Phân phối và tiếp thị bởi **NUTRICARE PHARMA**
Địa chỉ: Số 26, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Đại chúng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,
Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.
Số CRSP: T30/NUTRICARE/2023 **NSX và HSD:** Xem trên bao bì.



THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITIONAL INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100 g	Trong 1 ly pha chuẩn (210 ml) Per serving
Năng lượng/Energy	kcal	375	169
Đạm/Protein	g	20.0	9.00
Lysin/Lysine	mg	1313	591
Leucine/Leucine	mg	1590	715
Isoleucine/Isoleucine	mg	911	410
Valine/Valine	mg	1020	459
Arginine/Arginine	mg	1071	482
Histidine/Histidine	mg	471	212
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	819	369
Tyrosine/Tyrosine	mg	592	267
Threonine/Threonine	mg	742	334
Methionine/Methionine	mg	312	140
Tryptophan/Tryptophan	mg	239	108
Cystine/Cystine	mg	224	101
Axit glutamic/Glutamic acid	mg	3639	1638
Axit aspartic/Aspartic acid	mg	1794	807
Glycine/Glycine	mg	575	259
Alanine/Alanine	mg	696	313
Prolin/Prolin	mg	1285	578
Serin/Serin	mg	970	436
Chất béo/Lipid	g	12.5	5.63
MUFA	g	3100	1395
PUFA	g	1413	636
MCTs (Medium-chain triglycerides)	g	3.50	1.58
Carbohydrate khác	g	39.7	17.9
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	7.60	3.42
Prebiotics (FOS/Inulin)	g		
Polyols	g	12.1	5.42
Sữa non/Colostrum	mg	160	72.0
IgG	mg	32.0	14.4
Taurin/Taurine	mg	9.90	4.46
Cholin/Choline	mg	99.0	44.6
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1206	543
Vitamin D3	IU	354	159
Vitamin E	IU	13.6	6.13
Vitamin K1	µg	19.9	8.95
Vitamin K2	µg	48.0	21.6
Vitamin C	mg	73.9	33.3
Vitamin B1	mg	845	380
Vitamin B2	µg	547	246
Niacin	µg	7794	3507
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	3188	1434
Vitamin B6	µg	1186	534
Axit folic/Folic acid	µg	93.0	41.9
Vitamin B12	µg	5.04	2.27
Biotin	µg	25.7	11.6
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	332	149
Kali/Potassium	mg	593	267
Clor/Chloride	mg	684	308
Canxi/Calcium	mg	562	253
Phot pho/Phosphorus	mg	435	196
Magiê/Magnesium	mg	116	52.4
Sắt/Iron	mg	4.24	1.91
Kẽm/Zinc	mg	9.75	4.39
Mangan/Manganese	µg	1176	529
Đồng/Copper	µg	356	160
I-ốt/Iodine	µg	52.2	23.5
Selen/Selenium	µg	23.9	10.8
Crom/Chromium	µg	84.2	37.9
Molybden/Molybdenum	µg	28.7	12.9

Hàm lượng các chất dinh dưỡng thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.



8 936142 673050

Gói mẫu thử **45 g** Leanpro Glulevel 200723